TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ JÚT** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 20-7-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐĂK NÔNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hà Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thơm
2. Bà Lê Thị Hòa

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Lục Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Jút mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 25/2018/HSST ngày 25/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HS ngày 11/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2018/HSST-QĐ ngày 22/6/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Tạ Văn H; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1982 tại tỉnh Nam Định; Nơi đăng ký NKTT: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông; Chỗ ở: Thôn T, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông: Tạ Văn T, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Trần Thị Y, sinh năm: 1987 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 19/11/2017, đến ngày 24/11/2017 chuyển sang biện pháp tạm giam; Ngày 09/02/2018 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo hiện đang tại ngoại; Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn 09, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 29/5/2012, Tạ Văn H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BG 761493 do UBND huyện C cấp ngày 15/02/2012 thuộc thửa số 374 tờ bản đồ số 53 diện tích 214m^2 và GCNQSDĐ số BG 982552 do UBND huyện

C cấp ngày 12/3/2012 thuộc thửa số 371, tờ bản đồ số 11 diện tích 168m^2 đứng tên Tạ Văn H và Trần Thị Y đến Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (No & PTNTVN) xã N để thế chấp vay vốn 400.000.000đ (*bốn trăm triệu*) với thời hạn 36 tháng, sau khi nhận tiền, H chuyển số tiền nói trên cho anh trai Tạ Văn T để mượn lại, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, Tạ Văn Tcó trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ các khoản cho Ngân hàng.

Khoảng cuối năm 2013, anh Phạm Ngọc T có nhu cầu mua đất tại xã Đăk Wil, qua thông tin người quen, H và anh T gặp nhau, thỏa thuận mua bán lô đất thuộc thửa số 374, tờ bản đồ số 53, sau đó, anh T và Phạm Ngọc H (*là anh trai của T*) đến nhà H tại thôn 2 xã Nam Dong, tại đây để tạo lòng tin, H đưa ra bản phô tô có chứng thực GCNQSDĐ số BG 761493, để chứng minh mình là chủ sử dụng lô đất, khi anh Phạm Ngọc H hỏi, bìa gốc ở đâu thì H trả lời "*bìa đỏ đang gửi ở nhà người thân*", nghe vậy anh T và anh Phạm Ngọc H không nghi ngờ gì, anh T đồng ý mua với giá 85.000.000đ, đặt cọc trước 5.000.000đ. Ngày 14/2/2014, tại nhà anh Đỗ Văn T tại thôn T, xã Đ, anh T giao tiếp cho H số tiền 70.000.000đ, H viết một giấy sang nhượng đất thổ cư với nội dung H bán cho anh T một lô đất thổ cư thửa số 374, tờ bản đồ số 53 với giá 85.000.000đ, H đã nhận 75.000.000đ, còn thiếu 10.000.000đ, hẹn đến ngày 14/4/2014, H có trách nhiệm sang tên bìa đỏ và giao bìa đỏ cho anh T để nhận số tiền còn lại, giấy sang nhượng có chữ ký chị L (vợ anh Đỗ Văn T) người làm chứng, và có xác nhận của buôn trưởng buôn Trum đất không có tranh chấp. Sau khi nhận tiền của anh T, H sử dụng một phần để trả nợ cho anh Đỗ Văn T, chị L, phần còn lại tiêu dùng trong gia đình mà không đến Ngân hàng để trả nợ và có bất cứ một động thái nào để hoàn tất việc sang nhượng cho anh T. Anh T nhiều lần tìm gặp, điện thoại, H trả lời đất đang có tranh chấp, bìa đỏ đang ở Ngân hàng nên chưa làm thủ tục được, rồi hẹn thêm thời gian nữa, sau đó anh T nhiều lần đến nhà tìm gặp, gọi điện thoại nhưng không gặp được H. Khoảng tháng 10/2015, H đi khỏi địa phương, không thông báo cho chính quyền địa phương biết, không gặp anh T trao đổi hay có nội dung thỏa thuận gì khác, cũng nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Tháng 10/2014, vì không trả được nợ nên phía Ngân hàng No & PTNTVN chi nhánh xã N khởi kiện, ngày 08/01/2015 giữa Ngân hàng và vợ chồng H đã thỏa thuận bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận tại Tòa án huyện C, theo nội dung thỏa thuận chậm nhất đến ngày 28/2/2015, vợ chồng Tạ Văn H và Trần Thị Y phải có trách nhiệm trả nợ xong các khoản cho phía Ngân hàng. Tuy nhiên đến hạn vợ chồng H vẫn không trả được nợ, vì vậy phía Ngân hàng đã yêu yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C phát mãi tài sản thế chấp, đến tháng 6/2016, toàn bộ tài sản thế chấp đã bị bán thông qua thủ tục bán đấu giá theo pháp luật thi hành án.

Ngày 06/11/2015, anh T làm đơn khởi kiện vụ án dân sự về việc vi phạm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của H ra Tòa án nhân dân huyện C, quá trình giải quyết Tòa án xác minh H đã đi khỏi địa phương, việc thỏa thuận mua bán có dấu hiệu hình sự, chuyển hồ sơ đến cơ quan Công an để làm rõ.

Vật chứng thu giữ bao gồm: 01 (một) giấy sang nhượng đất thổ cư.

Quyết định khởi tố bị can số 115 ngày 06/11/2017 khởi tố bị can về tội "Lạm dụng chiếm đoạt tài sản" theo Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can số 01 ngày 04/12/2017 khởi tố bị can tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Cáo trạng số 09/CTr-VKS ngày 26/02/2018 của VKSND huyện Cư Jút kết luận, mặc dù lô đất đang thế chấp vay vốn tại ngân hàng, nhưng bị cáo Tạ Văn H lại đưa ra thông tin bìa đỏ đang gửi nhà người thân, để từ đó làm cho anh T tin tưởng, anh T đã đưa cho bị cáo H số tiền 75.000.000 đồng là tiền mua đất, sau đó H không thực hiện đúng như thỏa thuận mà chiếm luôn số tiền trên. Vì vậy, truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Tuy nhiên hiện nay Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đã hết hiệu lực thi hành nên hành vi của bị cáo tiếp tục được xử lý theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa bị cáo Tạ Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Tạ Văn H như bản cáo trạng số 09/CTr-VKS ngày 26/02/2018: Truy tố bị cáo Tạ Văn H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Tạ Văn H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; khoản 3 Điều 7; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 xử phạt bị cáo Tạ Văn H từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 04 (Bốn) năm đến 05 (Năm) năm.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận việc bị cáo Tạ Văn H đã bồi thường cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì thêm.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì. Bị cáo không bào chữa và cũng không tranh luận gì thêm mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cư Jút, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX xét thấy: Do cần tiền trả nợ và chi tiêu trong gia đình nên vào khoảng cuối năm 2013 tại nhà bị cáo Tạ Văn H (địa chỉ: Thôn 02, xã N, huyện C, tỉnh Đăk Nông) mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bìa đỏ) số BG 761493 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 15/02/2012 đang thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh N nhưng bị cáo vẫn đưa ra thông tin bìa đỏ đang gửi nhà người thân để bán lô đất trên cho anh Phạm Ngọc T, giá 85.000.000 đồng, anh T đưa trước cho H 5.000.000 đồng. Đến ngày 14/02/2014, tại nhà anh Đỗ Văn T (địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện C, tỉnh Đăk Nông) anh T giao tiếp cho bị cáo H số tiền 70.000.000 đồng, hẹn đến ngày 14/4/2014 thì H có trách nhiệm sang tên bìa đỏ cho anh T và anh T giao nốt số tiền còn lại cho bị cáo H. Tuy nhiên, bị cáo không thực hiện như đúng thỏa thuận mà chiếm đoạt luôn số tiền 75.000.000 đồng của anh T.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác tại cơ quan điều tra cơ bản phù hợp với nhau. Do đó, HĐXX có đủ căn cứ để kết luận, mặc dù lô đất đang thế chấp vay vốn tại ngân hàng, nhưng bị cáo Tạ Văn H lại đưa ra thông tin gian dối là bìa đỏ đang gửi tại nhà người thân, để từ đó làm cho anh T tin tưởng giao tiền cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo không thực hiện đúng như thỏa thuận mà chiếm đoạt luôn số tiền đó. Như vậy hành vi của bị cáo Tạ Văn H đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước khi Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 được ban hành. Tuy nhiên hiện nay Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đã hết hiệu lực thi hành nên hành vi của bị cáo tiếp tục được xử lý theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định:

" Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

……..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

……"

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, biết việc lợi dụng lòng tin của người bị hại để lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Chỉ vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài cho mục đích cá nhân mà bị cáo đã lợi dụng lòng tin của anh Phạm Ngọc T để chiếm đoạt số tiền 75.000.000 đồng. Do đó, cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Bị cáo đã trả lại số tiền 75.000.000 đồng và bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 25.000.000 đồng cho bị hại anh Phạm Ngọc T và được anh T viết đơn bãi nại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có bố là người có công với cách mạng. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử cũng đã xem xét khi quyết định mức hình phạt, xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục, gia đình bị cáo phối hợp cùng chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật và Nhà nước.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản" do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nông, điều kiện gia đình còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Vật chứng trong vụ án thu giữ là 01 (một) giấy sang nhượng đất thổ cư được viết tay vào ngày 14/2/2014 dương lịch giữa bị cáo Tạ Văn H và bị hại anh Phạm Ngọc T, xét thấy đây là chứng cứ quan trọng nên cần tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ghi nhận bị cáo Tạ Văn H đã trả lại số tiền 75.000.000 đồng và bồi thường khắc phục hậu quả số tiền 25.000.000 đồng cho bị hại anh Phạm Ngọc T và được anh T viết đơn bãi nại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo Tạ Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Xét những chứng cứ buộc tội bị cáo, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa đưa ra phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nên HĐXX cần xem xét khi quyết định mức hình phạt.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Tạ Văn H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; các điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tạ Văn H 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (*năm*) năm. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Tạ Văn H cho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Đắk Nông là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) giấy sang nhượng đất thổ cư được viết tay vào ngày 14/2/2014 dương lịch giữa bị cáo Tạ Văn H và bị hại Phạm Ngọc T.

(Theo Biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 18 tháng 07 năm 2017 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Cư Jút)

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các Điều 584, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 ghi nhận bị cáo Tạ Văn H đã bồi thường toàn bộ số tiền 100.000.000 đồng cho bị hại anh Phạm Ngọc T và anh Phạm Ngọc T không có yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Tạ Văn H phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Hà Ngân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
-VKSND huyện Cư Jút;
- Công an huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Bị cáo; Bị hại;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ.